TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TS** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/11/2019
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Ông Trần Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Hoàn M, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Sơn 2, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Hà Phú T, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T Hiệp A, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang.

(Đã được tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Hoàn M trình bày:*

Chị và anh Hà Phú T do tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 22/5/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Hà Trần Trúc M1 sinh ngày 20/10/2018. Nhưng đến tháng 01/2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi, anh T không chịu sống chung với gia đình chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hà Phú T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Hà Trần Trúc M1 sinh ngày 20/10/2018, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Về phía bị đơn anh Hà Phú T:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hoàn M. Về con chung: Giao con chung tên Hà Trần Trúc M1 sinh ngày 20/10/2018 cho chị Trần Hoàn M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Hà Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Hà Phú T có địa chỉ tại ấp T Hiệp A, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Hà Phú T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hà Phú T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hoàn M và anh Hà Phú T chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 22/5/2018. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Hoàn M, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M và anh T chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Nhưng đến năm tháng 01/2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi, anh T không chịu sống chung với gia đình chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Về phía anh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh T, tạo điều kiện cho anh T hàn gắn tình cảm với chị M nhưng anh T không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị M, cho thấy anh T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị M để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hoàn M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M và anh T có 01 con chung tên Hà Trần Trúc M1 sinh ngày 20/10/2018, hiện đang sống với chị M. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: hiện tại cháu Hà Trần Trúc M1 đang được chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và đến nay cháu Mai chưa đủ 36 tháng tuổi nên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu Mai Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để áp dụng Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Mai cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị M phải tạo điều kiện cho anh T đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Trần Hoàn M yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Hoàn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hoàn M được ly hôn anh Hà Phú T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Hà Trần Trúc M1 sinh ngày 20/10/2018 cho chị Trần Hoàn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Hà Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Chị Trần Hoàn M phải tạo điều kiện cho anh Hà Phú T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Trần Hoàn M và anh Hà Phú T không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Trần Hoàn M và anh Hà Phú T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Trần Hoàn M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000396 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Chị Trần Hoàn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Phú T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm